

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 24-11-2023
“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Toàn

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Tiến Dũng

Ông Đinh Việt Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Tôn Thị Thanh Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2023/TLPT- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 53/2023/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2023/QĐXXPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Phương T, sinh năm 1997;

Nơi ĐKKHKT: Khu X, xã H L, huyện H H, tỉnh Phú Thọ. Có mặt

Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1993;

Nơi ĐKKHKT: Khu X, xã H L, huyện H H, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án Chị Lê Thị Phương T và anh Phạm Văn T trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Phương T và anh Phạm Văn T có đăng

ký kết hôn ngày 11/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H L, huyện H H, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoàn thuận được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng không còn quan tâm tới nhau. Hiện vợ chồng sống ly thân khoảng 05 tháng nay. Ngoài ra theo anh T thuần vợ chồng là trầm trọng vì chị T có ngoại tình với người đàn ông khác. Nay chị T, anh T đều thấy tình cảm không còn nên cả hai xin được thuận tình ly hôn nhau.

* Về con chung: Chị Lê Thị Phương T và anh Phạm Văn T xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Hải Đ, sinh ngày 03/9/2017. Khi ly hôn chị T xin được nuôi con, vì cháu Đ còn nhỏ và đang bị bệnh hội chứng thận hư mãn tính, từ trước đến nay chị là người chăm sóc đưa cháu đi chữa bệnh. Chị không đề nghị anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh T cũng xin được nuôi con, vì theo anh chị T có hành vi ngoại tình, vi phạm về đạo đức nên sẽ ảnh hưởng đến con chung sau này và đã từ bố, ông bà nội gần 20 năm nay, quên đi nguồn gốc của mình. Nếu được nuôi con anh T không đề nghị cấp dưỡng tiền nuôi con.

* Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay, công sức đóng góp: Chị Lê Thị Phương T và anh Phạm Văn T không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Phương T tự nguyện nộp theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 53/2023/HNGĐ-ST ngày 30/8/2023 Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ đã Quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207; khoản 2 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Lê Thị Phương T và anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao cho Chị Lê Thị Phương T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Hải Đ, sinh ngày 03/9/2017 cho đến khi con chung thành niên. Anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T (chị T không yêu cầu). Anh Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay: Chị Lê Thị Phương T và anh Phạm Văn T không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra giải quyết.

4. Về phần công sức đóng góp: Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu về công sức đóng góp của Lê Thị Phương Thảo. Chị T có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo Biên lai số: AA/2020/0005331 ngày 15/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H H. Chị Lê Thị Phương T và anh Phạm Văn T không đề nghị Tòa án giải quyết về công sức đóng góp. Nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị Phương T phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền chị T phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: AA/2020/0005252 ngày 03/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H H. Hoàn trả lại cho chị T số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Ngoài ra Bản án còn tuyên quyền đề nghị thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 11/9/2023 anh Phạm Văn T có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị sửa Bản án số 53/2023/HNGĐ-ST ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện H H, tỉnh Phú Thọ theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thu Thảo về phần con chung. Giao cháu Phạm Hải Đ, sinh ngày 03/9/2017 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi cháu Đ cùng anh.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Chị Lê Thị Phương T cung cấp: 01 đơn trình bày và 01 đơn tố cáo hành vi ngoại tình đều đề ngày 10/9/2023.

Anh Phạm Văn T nộp: Các chứng từ về việc điều trị của cháu Phạm Hải Đ ở Bệnh viện Đa khoa Hùng Vương, 01 USB theo anh T có nội dung việc chị T xui con không được ở với bố... .

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Phạm Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và xin được nuôi cháu Đ và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị Phương T không nhất trí và đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện VKSND tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Văn T. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 53/2023/HNGĐ-ST ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện H H, tỉnh Phú Thọ.

Về án phí: Kháng cáo của anh Phạm Văn T không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

(có bài phát biểu chi tiết lưu hồ sơ vụ án)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đ- ọc xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thời hạn, hình thức đơn kháng cáo của anh Phạm Văn T làm trong hạn luật định, đơn hợp lệ được xem xét giải quyết theo quy định.

[2] Về nội dung kháng cáo: Anh Phạm Văn T đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giải quyết cho anh trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Hải Đ. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Chị Lê Thị Phương T và anh Phạm Văn T xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Hải Đ, sinh ngày 03/9/2017. Khi ly hôn cả hai anh chị đều có nguyện vọng nuôi con. Theo quy định tại Điều 71 Luật hôn nhân và gia đình cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên nên nguyện vọng được nuôi con của chị Thảo và anh T đều chính đáng. Tuy nhiên khi xem xét, quyết định giao con chung để đảm bảo cho sự phát triển của con chưa thành niên cháu thì thấy rằng: Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm các đương sự cung cấp cho Tòa án các chứng cứ và lời trình bày tại phiên tòa hôm nay theo anh T cho rằng chị T có hành vi ngoại tình, vi phạm về đạo đức nên sẽ ảnh hưởng đến việc nuôi con, mặt khác anh có thu nhập và chỗ ở nên có điều kiện nuôi con tốt hơn. Phía chị T cho rằng chị không ngoại tình mà do anh T ngoại tình, chị đi làm có thu nhập để nuôi con. Việc anh T và chị T đều cho rằng cả hai đều có ngoại tình, nếu như có việc ngoại tình thì cũng chỉ về quan hệ tình cảm vợ chồng dẫn đến ly hôn với nhau, còn về nuôi con là một quan hệ khác. Xét về điều kiện nuôi con của anh T và chị T đều có thu nhập và có chỗ ở ổn định đều đủ điều kiện nuôi con. Do cháu Đ chưa đủ 6 tuổi và bị bệnh thận mãn tính nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Theo quy định tại khoản 4 Điều 2 những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình “...*giúp đỡ các bà mẹ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ*” là được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Để đảm bảo quyền lợi của

bà mẹ và trẻ em, cấp sơ thẩm đã giao cháu Đ cho chị T nuôi dưỡng là có căn cứ. Do vậy kháng cáo xin được nuôi con của anh T không được chấp nhận, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

[3]Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Phạm Văn T không được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[4]Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Văn T về việc xin được nuôi cháu Phạm Hải Đ.

Giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 53/2023/HNGĐ-ST ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện H H, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Lê Thị Phương T và anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao cho Chị Lê Thị Phương T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Hải Đ, sinh ngày 03/9/2017 cho đến khi con chung thành niên. Anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T (chị T không yêu cầu). Anh Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay: Chị Lê Thị Phương T và anh Phạm Văn T không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra giải quyết.

4. Về phần công sức đóng góp: Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu về công sức đóng góp của Lê Thị Phương Thảo. Chị T có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo Biên lai số: AA/2020/0005331 ngày 15/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H H. Chị Lê Thị Phương T và anh Phạm Văn T không đề nghị Tòa án giải quyết về công sức đóng góp. Nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị Phương T phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền chị T phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: AA/2020/0005252 ngày 03/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H H. Hoàn trả lại cho chị T số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

6. Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của anh Phạm Văn T không được chấp nhận nên anh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0005386 ngày 12/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND huyện Hạ Hòa;
- THADS huyện H H;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Toàn

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H H
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2023

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H H, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Yên

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Chu Thị Ngọc Lan

Bà Ngô Thị Hóa

-Thư ký phiên tòa: Bà Phí Lê Duyên - Thư ký

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Chính - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H H, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXX-ST ngày 04/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Phương T, sinh năm 1997;

Nơi ĐKKHKT: Khu X, xã H L, huyện H H, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1993;

Nơi ĐKKHKT: Khu X, xã H L, huyện H H, tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án Chị Lê Thị Phương T và anh Phạm Văn T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị Phương T và anh Phạm Văn T có đăng ký kết hôn ngày 11/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H L, huyện H H, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoàn thuận được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng không còn quan tâm tới nhau. Hiện vợ chồng sống ly thân khoảng 05 tháng nay. Ngoài ra theo anh T thuần vợ chồng là trầm trọng vì chị T có ngoại tình với người đàn ông khác. Nay chị T, anh T đều thấy tình cảm không còn nên cả hai xin được thuận tình ly hôn nhau.

- *Về con chung:* Chị Lê Thị Phương T và anh Phạm Văn T xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Hải Đ, sinh ngày 03/9/2017. Khi ly hôn chị T xin được nuôi con, vì cháu Đ còn nhỏ và đang bị bệnh hội chứng thận hư mãn tính, từ trước đến nay chị là người chăm sóc đưa cháu đi chữa bệnh. Chị không đề nghị anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh T cũng xin được nuôi con, vì theo anh chị T có hành vi ngoại tình, vi phạm về đạo đức nên sẽ ảnh hưởng đến con chung sau này và đã từ bố, ông bà nội gần 20 năm nay, quên đi nguồn gốc của mình. Nếu được nuôi con anh T không đề nghị cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay, công sức đóng góp:Chị Lê Thị Phương T và anh Phạm Văn T không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Phương T tự nguyện nộp cả theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H H phát biểu:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Lê Thị Phương T và anh Phạm Văn T.

- Về con chung: Giao cho Chị Lê Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Hải Đ, sinh ngày 03/9/2017đến khi các cháu thành niên. Anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

- Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay, công sức đóng góp:Chị Lê Thị Phương T và anh Phạm Văn T không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị Phương T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn Chị Lê Thị Phương T và bị đơn anh Phạm Văn T đều có hộ khẩu thường trú tại Khu X, xã H L, huyện H H, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện H H, tỉnh Phú Thọ.

[1.2]. Về sự thay đổi thẩm phán giải quyết: Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 23/6/2023 bị đơn có đơn khiếu nại hành vi tố tụng của Thẩm phán cho rằng không khách quan, vô tư khi làm nhiệm vụ và đề nghị thay đổi thẩm phán. Đề nghị của bị cáo là không có căn cứ. Tuy nhiên, để bảo đảm tính vô tư, khách quan theo nguyện vọng của bị đơn anh Nguyễn Văn Thịnh. Ngày 26/6/2023 Chánh án tòa án nhân dân huyện H H ra Quyết định thay đổi thẩm phán, phân công Thẩm

phán Trịnh Đình Yên thay Thẩm phán Tô Mạnh Tiến, tiến hành giải quyết, xét xử vụ án là phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về tư cách tố tụng: Ngày 06/6/2023 chị T có yêu cầu khởi kiện bổ sung đề nghị tòa án giải quyết về công sức đóng góp. Ngày 23/6/2023 bố đẻ anh T là ông Phạm Văn Ton và bà Ngô Thị Minh có yêu cầu tòa án đưa ông, bà tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, sau đó chị T đã làm đơn xin rút phần khởi kiện bổ sung này. Xét thấy, không cần đưa ông Phạm Văn Ton và bà Ngô Thị Minh với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp.

Quá trình giải quyết vụ án, Chị Lê Thị Phương T và anh Phạm Văn T không thống nhất được về con chung, vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của chị T, anh T có thể khẳng định: Chị Lê Thị Phương T và anh Phạm Văn T có đăng ký kết hôn ngày 11/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã H L, huyện H H, tỉnh Phú Thọ, trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định pháp luật. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng, không còn quan tâm tới nhau. Vợ chồng sống ly thân khoảng năm tháng nay. Ngoài ra theo anh T mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng do gần đây anh phát hiện chị T có ngoại tình với người đàn ông khác. Nay chị T, anh T thấy tình cảm vợ chồng không còn, cả hai đều xin được thuận tình ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục. Việc xin thuận tình ly hôn của hai bên là tự nguyện. Do vậy, cần xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Lê Thị Phương T và anh Phạm Văn T là hoàn toàn phù hợp với thực tế cuộc hôn nhân của anh, chị và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2]. Về con chung: Chị Lê Thị Phương T và anh Phạm Văn T xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Hải Đ, sinh ngày 03/9/2017.

Khi ly hôn chị T xin được nuôi con vì cháu Đ còn nhỏ và đang bị bệnh hội chứng thận hư mãn tính, từ trước đến nay chị là người chăm sóc, đưa cháu đi chữa bệnh, đưa đón cháu đi học, đóng tiền học, tiền ăn cho cháu. Chị không đề nghị anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh T cũng xin được nuôi con, vì theo anh chị T có hành vi ngoại tình, vi phạm về đạo đức nên sẽ ảnh hưởng đến cháu sau này và chị T bố mẹ ly hôn nên đã từ bỏ, ông bà nội gần 20 năm nay, quên đi nguồn gốc của mình. Hiện nay anh có điều kiện nuôi con tốt hơn. Nếu được nuôi con anh T không đề nghị cấp dưỡng tiền nuôi con.

Để chứng minh cho những lời trình bày của mình anh T có cung cấp cho tòa án một số tài liệu phô tô và USB lưu các tin nhắn, Đơn tố cáo hành vi ngoại tình ngày 17/7/2023, Giấy xác nhận điều kiện nuôi con của ông Lê Đức Đán (ông nội chị T) và Giấy xác nhận điều kiện nuôi con của ông Ngô Anh Tuấn trưởng Khu X, xã H L, Đơn đề nghị xác nhận trường mầm non xã H L ngày 12/4/2023; Hợp đồng lao động và Giấy xác nhận lương ngày 01/5/2023. Chị T cho rằng số điện thoại trên đăng ký thuê bao của mẹ chị là bà Hoàng Thị Thanh Nghi, chị không ngoại tình và cung cấp Hợp đồng lao động xác định thời hạn; Đơn đề nghị ngày 12/7/2023 và ngày 16/7/2023; Đơn đề nghị ngày 02/7/2023; Giấy xác nhận ngày 27/6/2023; Đơn trình bày ngày 02/7/2023; ngày 13/7/2023 và ngày 10/7/2023; Đơn trình bày ngày 17/8/2023.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

*. Xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mà các đương sự cung cấp có thể thấy rằng:

- Các tài liệu là tin nhắn qua lại được thể hiện bằng bản in phô tô và chiếc USB mà anh T cung cấp cho rằng chị T có hành vi ngoại tình và đánh giá chị T không đủ tư cách đạo đức, nếu chị T nuôi con sẽ ảnh hưởng cuộc sống sau này của con là chưa đầy đủ, rõ ràng, chưa có đủ cơ sở. Giả sử chị T có việc ngoại tình thì cũng chỉ khẳng định về quan hệ hôn nhân anh, chị có sự dạn nứt, mâu thuẫn.

Theo quy định tại Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014:

“1. Cha, mẹ bị hạn chế quyền đối với con chưa thành niên trong các trường hợp sau đây:

a) Bị kết án về một trong các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con với lỗi cố ý hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con;

b) Phá sản tài sản của con;

c) Có lối sống đồi trụy;

d) Xúi giục, ép buộc con làm những việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội.

2.”

Như vậy, pháp luật hiện không có quy định về việc cha, mẹ có hành vi ngoại tình dẫn đến hôn nhân tan vỡ thì không được giao quyền nuôi con.

- Các tài liệu, chứng cứ là Đơn đề nghị xác nhận trường mầm non xã H L mà anh T cung cấp ngày 12/4/2023 và Đơn đề nghị ngày 12/7/2023 mà chị T cung cấp có thể thấy rằng: Tài liệu anh T cung cấp có chữ ký của cô giáo chủ nhiệm Trương Thị Việt Phương nhưng phần xác nhận là của UBND xã H L, xác nhận về chữ ký của người xác nhận là chưa phù hợp; tài liệu chị T cung cấp có chữ ký xác nhận của cô Trương Thị Việt Phương, cô Phạm Thị Hải và có xác nhận của hiệu trưởng Doãn Thị Thanh Điệp xác nhận việc thu tiền học, các quỹ và tiền ăn do chị T nộp là có căn cứ hơn.

- Ngoài ra, liên quan đến bệnh tình của cháu Phạm Hải Đ, Chị Lê Thị Phương T cung cấp sổ khám và theo dõi bệnh mãn tính của cháu Phạm Hải Đ và để khẳng định mình là người chăm sóc, đưa cháu đi khám, chữa bệnh. Chị T còn cung cấp cho Tòa án Đơn đề nghị ngày 16/7/2023 là xác nhận của bác sỹ Trần Thị Cườm, chức vụ phó khoa tại Bệnh viện Hùng Vương là “*thường xuyên gặp mẹ để trao đổi về bệnh của bé*” và Đơn trình bày ngày 17/8/2023 của bác sỹ Cườm, là người điều trị và theo dõi bệnh của cháu Đ trình bày ý kiến “... *nên để mẹ cháu chăm sóc nuôi con theo dõi bệnh tật của cháu Phạm Hải Đ tốt hơn!*”. Có thể thấy trong quá trình cháu Đ bị bệnh mẹ cháu (chị T) là người theo sát diễn biến bệnh tình và quan tâm đầy đủ.

- Những tài liệu là lời trình bày của một số người mà cả 2 bên đương sự cung cấp và các giấy tờ khác chỉ là tài liệu tham khảo, chưa đủ tích trung thực, khách quan.

*. Xét về điều kiện vật chất:

- Về mức thu nhập: Chị T và anh T có cung cấp hợp đồng lao động để chứng minh thu nhập, hợp đồng lao động của chị Thủy không có dấu, tuy nhiên tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Hiền

là chủ quán có lời khai xác nhận hợp đồng lao động trên là chị ký kết với chị T, có cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh kèm căn cước công dân và xác nhận mức thu nhập của chị T là 7.500.000đồng/tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay anh, chị đều có công việc, có thu nhập. Anh T thu nhập khoảng hơn 10 triệu đồng/tháng; mức thu nhập của chị T khoảng 7 đến 8 triệu đồng/ tháng. Cả hai bên đều có thu nhập và có đủ khả năng nuôi được con.

- Về điều kiện chỗ ở: Anh T có nhà riêng. Hiện chị T ở với mẹ đẻ (bà Nghi), có nhà riêng tại thị trấn Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ. Bà Nghi có đơn đề nghị ngày 02/7/2023 và tại phiên tòa bà cho rằng có đủ điều kiện để hỗ trợ chị T nuôi dạy, trông nom, chăm sóc cháu Đ, vì bà có cơ sở kinh doanh spa, làm đẹp tại nhà. Như vậy hai bên đều có chỗ ở ổn định.

*. Xét về cuộc sống thực tế: Vợ chồng chị T, anh T chỉ có 01 con chung, trước đây anh chị ở riêng thì cả 2 cùng chăm sóc, nuôi dạy. Sau khi vợ chồng ly thân, thì cháu Đ thời gian nhiều ở cùng mẹ (chị T), có lúc ở cùng bố (anh T), hiện nay có hộ khẩu và đi học tại xã H L. Tuy nhiên, Hội đồng xét thấy cháu Phạm Hải Đ còn nhỏ (chưa đủ 6 tuổi) và bị bệnh mãn tính nên cần sự chăm sóc của người mẹ hơn.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ pháp luật thuộc nghĩa vụ của đương sự. Những tài liệu, chứng cứ các bên đương sự cung cấp như đã phân tích là có đủ căn cứ đánh giá. Vì vậy, Tòa án không cần xác minh thêm.

Căn cứ khoản 4 Điều 2 những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình “...*giúp đỡ các bà mẹ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ*” là được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của chị T là có căn cứ, phù hợp hơn. Nên cần giao cháu Phạm Hải Đ cho Chị Lê Thị Phương T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay:Chị Lê Thị Phương T và anh Phạm Văn T không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra giải quyết.

[2.4]. Về phần công sức đóng góp:Chị Lê Thị Phương T trong qua trình giải quyết vụ án có làm đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị xem xét phần công sức đóng góp. Ngày 30/6/2023 chị T đã làm đơn rút phần yêu cầu này, không đề nghị Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa chị giữ nguyên yêu cầu rút phần công sức đóng góp. Nên xét thấy, cần đình chỉ giải quyết phần yêu cầu này của chị T và hoàn trả lại phần tạm ứng án phí đã nộp là phù hợp.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị Phương T xin nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207; khoản 2 Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Lê Thị Phương T và anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao cho Chị Lê Thị Phương T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Hải Đ, sinh ngày 03/9/2017 cho đến khi con chung thành niên. Anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị T (chị T không yêu cầu). Anh Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay: Chị Lê Thị Phương T và anh Phạm Văn T không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên không đặt ra giải quyết.

4. Về phần công sức đóng góp: Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu về công sức đóng góp của Lê Thị Phương Thảo. Chị T có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho chị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) theo Biên lai số: AA/2020/0005331 ngày 15/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H H. Chị Lê Thị Phương T và anh Phạm Văn T không đề nghị Tòa án giải quyết về công sức đóng góp. Nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị Phương T phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền chị T phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: AA/2020/0005252 ngày 03/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H H. Hoàn trả lại cho chị T số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện H H;
- UBND xã H L, huyện H H;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Đình Yên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Đình Yên

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện H H;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- UBND xã Vĩnh Chân, huyện H H;
- Lưu hồ sơ, VP.

Trịnh Đình Yên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hà GiangTạ Văn ThànhPhạm Văn Toàn

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 50/2019/TL – HNGĐ

Phú Thọ, ngày 18 tháng 11 năm 2019

TRÍCH LỤC BẢN ÁN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Tại bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số: 50/2019/HNGĐ - PT ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã xét xử về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Thanh, sinh năm 1986

ĐKHKT: Khu 2, xã Võ Lao, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị Đỗ Thị Hoa, sinh năm 1996

ĐKHKT: Khu 2, xã Võ Lao, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ;

Hiện ở: Khu 7, xã Chí Tiên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

ĐÃ QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Công nhận thỏa thuận của các đương sự. Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 35/2019/HNGĐ – ST ngày 05/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ về phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị Hoa được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Đỗ Tuấn Bình, sinh ngày 18/6/2014 cho đến khi con thành niên; Hiện cháu Bình đang ở cùng chị Hoa.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Công nhận anh Nguyễn Văn Thanh và chị Đỗ Thị Hoa thống nhất thỏa thuận không yêu cầu anh Thanh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Hoa.

Không ai được cản trở quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

2. Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

3. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn Thanh phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Thanh không phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm. Xác nhận anh Thanh đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0001715 ngày 04 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn Thanh 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001807 ngày 09/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thùy Hương

- *Nguyên đơn*: Chị Hoàng Thị Huyền, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn Nà Cuối, xã Đồng Ý, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn (Có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Phong, sinh năm 1988; ĐKKHKT: Khu 2, xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án -nguyên đơn chị Hoàng Thị Huyền trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phong đăng ký kết hôn với nhau năm 2014 tại UBND xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên được tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống thời gian đầu hoà thuận hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Phong thường xuyên đi chơi bờ qua đêm, về đánh đập chửi bới chị, do không thể chịu đựng được nên chị đã đưa con về nhà mẹ đẻ của chị để ở từ năm 2016 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phong.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Trung Hiếu, sinh năm 2015, hiện đang ở với chị, khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu Hiếu cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không yêu cầu anh Phong cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

- Về con riêng: Có 01 con riêng là cháu Nguyễn Thị Linh, sinh năm 2007 đang ở với chị, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay, công sức đóng góp: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Phong trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thời gian và điều kiện kết hôn, như chị Huyền trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau. Nay chị Huyền xin ly hôn anh không nhất trí, anh muốn được vợ chồng đoàn tụ. Nhưng nếu chị Huyền kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí.

- Về con chung: Do chị Huyền sức khỏe yếu, đang bị bệnh và còn nuôi cả con riêng sẽ vất vả, khó khăn cho chị Huyền dẫn đến không đảm bảo cho con trẻ nên anh tha thiết đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Hiếu, không yêu cầu chị Huyền cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu do các đương sự cung cấp cho Tòa án, chứng minh về việc đủ điều kiện nuôi con gồm: giấy xác nhận về chỗ ở và thu nhập hàng tháng; Tài liệu chứng minh về sức khỏe gồm: Kết quả xét nghiệm tình trạng bệnh của anh Phong và công văn của bệnh viện Bạch Mai cung cấp thông tin tình trạng bệnh của chị Huyền.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký ghi biên bản phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa

và những người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 55; Điều 58; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Huyền với anh Phong. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn Phong trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hoàng Trung Hiếu kể từ khi chấm dứt hôn nhân cho đến khi thành niên. Chị Huyền không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh Phong vì anh Phong không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và thẩm tra công khai tại phiên toà cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về Tố tụng:

Nguyên đơn đang sinh sống tại tỉnh Lạng Sơn; Bị đơn cư trú tại xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy, do đó Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huyền và anh Phong tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2014, tại Ủy ban nhân dân xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp. Tình cảm vợ chồng bước đầu hòa thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về lối sống, suy nghĩ. Kể từ cuối năm 2016 cho đến nay thì vợ chồng đã sống ly thân. Quá trình Tòa án xác minh tại địa phương cho thấy: Anh Phong và chị Huyền có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Trung Hiếu, sinh năm 2015. Trước khi kết hôn với anh Phong thì chị Huyền đã có 01 con riêng là cháu Nguyễn Thị Linh, sinh năm 2007. Sau khi kết hôn được một thời gian sau thì anh Phong và chị Huyền phát sinh mâu thuẫn, do cả hai người không cùng chung xây dựng hạnh phúc gia đình. Hiện nay chị Huyền và cháu Hiếu không ở cùng anh Phong, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án cũng như tài phiên tòa cho thấy, các bên không có thiện chí cũng như biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng để khắc phục tình trạng mâu thuẫn như hiện tại. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, anh Phong cũng đồng ý ly hôn, vì vậy, cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Huyền với anh Phong là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị Huyền và anh Phong xác định có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Trung Hiếu, sinh năm 2015. Anh Phong và chị Huyền đều xin được trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Đề nghị xin được nuôi con của anh Phong và chị Vui là nguyện vọng chính đáng của người làm cha mẹ, bởi lẽ cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ ngang nhau đối với con chung. Tuy nhiên chị

Huyền đang điều trị bệnh HIV lại phải nuôi cả hai con (con chung và con riêng), như vậy sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe của chị Huyền, dẫn đến việc chăm sóc con không đảm bảo sự phát triển toàn diện và quyền lợi mọi mặt cho cả hai cháu. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung là cháu Hiếu cho anh Phong trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình, do đó yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của chị Huyền không được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị Huyền và anh Phong xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí: Chị Huyền phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị Huyền và anh Nguyễn Văn Phong.

Về con chung: Xác định anh Nguyễn Văn Phong và chị Hoàng Thị Huyền có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Trung Hiếu, sinh ngày 21/8/ 2015.

Giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng Trung Hiếu cho anh Nguyễn Văn Phong trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày quan hệ hôn nhân giữa chị Huyền và anh Phong chấm dứt cho đến khi con chung thành niên. Chị Huyền không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Phong do anh Phong không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh Phong và chị Huyền đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật

thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Chị Hoàng Thị Huyền phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0000509 ngày 20/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo Bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đào Xá;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng

